TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 15-9- 2023
"*Về việc xin ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy

Ông Cao Thành Phước

- ***Thư ký phiên tòa:*** BàPhan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: **Chị Lê Thị D**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Anh Ca Vĩnh T**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày*: Nguyên vào năm 2006, chị và anh Ca Vĩnh T kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/5/2010 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận ở được thời gian đầu ở ấp TT, xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Đến đầu năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ca Vĩnh T.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Ca Thành D1, sinh ngày 03/10/2006 và Ca Thị Phương L, sinh ngày 30/4/2008, hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung,

chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Ca Vĩnh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Ca Vĩnh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên vào năm 2006, chị Lê Thị D và anh Ca Vĩnh T xây dựng hôn nhân với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã AP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/5/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị D cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến cuối năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Anh T đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, xét việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Ca Thành D1, sinh ngày 03/10/2006 và Ca Thị Phương L, sinh ngày 30/4/2008 hiện chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2023 cháu D1 và cháu L có nguyện vọng sống với mẹ là chị D nếu cha mẹ ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Ca Thành D1 và Ca Thị Phương L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D chưa yêu cầu nên không xem xét.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Ca Vĩnh T.

2/ Về con chung: giao con chung Ca Thành D1, sinh ngày 03/10/2006 và Ca Thị Phương L, sinh ngày 30/4/2008 cho chị Lê Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D chưa yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: chị Lê Thị D phải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0001058 ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSNDH;
- THADS;
-UBND xã AP;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Tám